

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 195/2024/HS-ST.

Ngày: 21-8-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Tạo.

2. Ông Nguyễn Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân H - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 192/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2024/QĐXXST-HS ngày 09/8/2024, đối với bị cáo:

Lưu Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày: 27/02/2004 tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: Ấp C, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; tạm trú: Khu phố L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Chí B và bà Lưu Thị T1; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; ngày 14/4/2024, Lưu Văn T bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ C (nay là thành phố) B cho đến nay; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Lưu Thị T1, sinh năm 1977, nơi thường trú: Ấp C, xã C, thị xã T, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lưu Văn T và đối tượng tên K (chưa rõ lai lịch) là bạn bè quen biết, đều là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy.

Khoảng 08 giờ ngày 12/4/2024, K gọi điện thoại qua ứng dụng Hee Say cho T rủ đến 01 khách sạn không rõ tên tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang chơi. Tại đây, K đưa cho T 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong có sẵn ma túy đá, sau

đó K đốt lên cho T và K cùng sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, K cho T 01 túi nylon miệng kéo dính bên trong chứa ma túy đá để dành sử dụng. Sau đó, T lấy túi ma túy bỏ vào trong bóp da của mình rồi quay về nhà trọ của T tại khu phố L, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 13/4/2024, T lấy bóp da bỏ vào cốp xe mô tô hiệu Honda SH biển số 67H1-784.41 rồi điều khiển xe đi đến nhà nghỉ T2 thuộc ấp A, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương thuê phòng số 09 ngủ.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, lực lượng công an xã C kiểm tra hành chính phòng số 9 nhà nghỉ T2 phát hiện bên trong cốp xe mô tô biển số 67H1-784.41 của T có 01 bóp da, bên trong có 01 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng. T khai chất tinh thể màu trắng là ma túy đá nên lực lượng công an xã C báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lưu Văn T.

Vật chứng thu giữ: 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu trắng gắn sim số 0362.173.517 và 01 xe mô tô hiệu Honda SH 150i, màu đỏ, biển số 67H1-784.41 (*bút lục: 18*).

Theo Kết luận giám định số 1943/KL-KTHS(MT) ngày 22/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng thu giữ, gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1676 gam, loại Methamphetamine. Mẫu vật sau giám định được niêm phong, khối lượng: 0,1246 gam (*bút lục: 49*).

* Về xử lý vật chứng:

- Xe mô tô hiệu Honda SH 150i, màu đỏ, biển số 67H1-784.41 do bà Lưu Thị T1 là mẹ của Lưu Văn T đứng tên đăng ký. Ngày 12/7/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B giao trả xe cho bà T1 (*bút lục: 69 – 70*).

- Ngày 30/7/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát giao trả 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, màu trắng gắn sim số 0362.173.517 cho Lưu Văn T.

Bản Cáo trạng số 208/CT-VKSBC ngày 31/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát đã quyết định truy tố bị cáo Lưu Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận: Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả; bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận giám định số 1943/KL-KTHS(MT) ngày 22/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, không có ý kiến gì đối với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lưu Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng.
- Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và toàn bộ mẫu vật sau giám định là 0,1246 gam ma túy loại Methamphetamine trong 01 bì thư được niêm phong ghi số: 1943/PC09 có chữ ký và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K1 Công an tỉnh B.

Bị cáo không tranh luận đối với quan điểm luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Lời nói sau cùng, bị cáo trình bày: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp lập lúc 03h 30' ngày 14/4/2024 và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã mô tả.

[2.2] Theo Kết luận giám định số 1943/KL-KTHS(MT) ngày 22/4/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng (thu giữ bên trong cốp xe biển số 67H1-784.41) gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 0,1676 gam, loại Methamphetamine.

[2.3] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm, là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện thể hiện bản chất liều lĩnh, bất chấp hậu quả và thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo.

[2.4] Hành vi tàng trữ trái phép 0,1676 gam ma túy, loại Methamphetamine của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “tàng trữ trái phép chất ma túy” tội phạm và

hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 208/CT-VKSBC ngày 31/7/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương cũng như ý kiến luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, xâm phạm đến việc quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội. Do đó, cần phải có mức hình phạt thật nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Xét thấy mức hình phạt mà Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Riêng đối tượng tên K hiện chưa rõ lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục điều tra, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[7] Biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và toàn bộ mẫu vật sau giám định là 0,1246 gam ma túy loại Methamphetamine trong 01 bì thư được niêm phong ghi số 1943/PC09, có chữ ký và hình dấu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh B.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lưu Văn T phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2024.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy và 01 bì thư được niêm phong ghi số: 1943/PC09 có chữ ký của Lưu Văn T (người chứng kiến), Nguyễn Ngọc D (cán bộ trả mẫu), Trần Thành L (cán bộ nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng K1 Công an tỉnh B.

(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 01/8/2024 giữa Công an thành phố B với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an T. Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Công an thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS tp Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Phương